

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
Và tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mỹ
2. Ông Trần Quang Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, thị trấn T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn Đ1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

2.2. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1966 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp T, thị trấn T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 545, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.955,2m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.755,2m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long là do cha bà Đ là ông Trần Ngọc Á đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/2008. Ông Á tặng cho bà Đ vào năm 2008; hiện thửa đất 545 do bà Trần Thị Ngọc Đ đứng tên mặt 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/10/2008. Trên thửa 545 có 01 căn nhà có diện tích khoảng 90m² do ông Trần Văn Á xây dựng vào khoảng năm 1990. Ông Á chết vào năm 2018; hiện do bà Đ quản lý sử dụng và sống chung với mẹ là bà Lương Thị X. Bà Đ sống trên phần đất tranh chấp này từ nhỏ đến lớn, sau đó bà Đ lấy chồng vào năm 1986 nên bà về xã T sống bên chồng. Đến năm 2000 thì bà về sống với cha mẹ cho đến nay.

Giáp với thửa đất 545 là thửa đất 546 tờ bản đồ số 5, diện tích 181,3m² do bà Trần Thị Kim L đứng tên quyền sử dụng đất, bà L là chị ruột bà Đ. Phần đất thửa 546 trước đây do cha bà là ông Trần Văn Á đứng tên quyền sử dụng đất ngày 10/9/2008. Sau đó, ông Á tặng cho bà L đứng tên mặt 4 vào ngày 20/10/2008. Giữa hai thửa đất 545 và thửa đất 546 có một đoạn hàng rào bằng gạch có kéo lưới để làm ranh ở phía trước, hàng rào do phía bà Đ tự làm từ khoảng năm 2015, hàng rào này hiện nay vẫn còn; còn ở phía sau thì có một trụ đá để làm ranh nhưng gia đình ông Đ1 đã nhổ bỏ trụ đá, hiện ranh phía sau để trống.

Đến năm 2018 trong quá trình sử dụng gia đình ông Đ1 đã tự ý lấn chiếm qua thửa 545 của bà Đ với diện tích khoảng 100m² (chiều ngang khoảng 5m; chiều dài khoảng 20m) để trồng rau và làm chuồng trại chăn nuôi gà. Bà Đ đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà L trả lại cho bà diện tích lấn chiếm khoảng 100m² thuộc thửa đất 545 nhưng ông Đ1, bà L không trả. Đến tháng 3/2019 vợ chồng ông Đ1 tiếp tục lấn chiếm thêm khoảng 100m² (ngang 10m; dài 20m) để xây nhà làm sân nước, máng xối thuộc thửa đất 545. Bà có nói với bên bà L nhưng bà L vẫn làm và bà L còn nuôi gà trên phần đất của bà. Bà có nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng không hòa giải được.

Nay bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là bà tranh chấp ranh đất với bà L và ông Đ1 diện tích là 12,8m² đất ONT-CLN tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện BT theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long. Bà đồng ý phần đất tranh chấp diện tích là 12,8m² đất ONT-CLN tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện BT là thuộc quyền sử dụng đất của bà L và ông Đ1. Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 03/10/2019 thì phía bà L và ông Đ1 có sử dụng tài sản trên đất của bà là 01 cây mít; 01 cái lu đựng nước và có che lưới nuôi gà. Phần cái lu nước bà đã mua lại với giá 500.000 đồng, còn vợ chồng bà L đã dọn dẹp lưới nuôi gà nhưng vẫn còn nhốt

gà bằng bội trên đất của bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà L và ông Đ1 không nhốt gà trên đất của bà và di dời cây mít đi nơi khác.

Bà Trần Thị Kim L trình bày:

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ vì phần đất tranh chấp hiện nay do bà đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 546 tờ bản đồ số 5, diện tích 181,3m² loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện BT, Vĩnh Long. Phần đất này trước đây là do cha bà là ông Trần Văn Ấ đứng tên quyền sử dụng đất ngày 10/9/2008, sau đó cha bà tặng cho bà đứng tên mặt 4 ngày 20/10/2008. Từ nhỏ đến lớn bà sống chung với cha mẹ, đến khoảng năm 1983 bà lấy chồng thì cha mẹ cho bà ra ở riêng trên phần đất này; vợ chồng bà L đã sử dụng phần đất thửa đất 546 cho đến nay. Trên thửa đất 546 có một căn nhà do vợ chồng bà cất và hiện đang ở. Phần đất này là do ông Ấ tặng riêng cho bà làm tài sản riêng. Thửa đất 545 là do cha mẹ sử dụng từ trước đến nay, sau này mới sang tên cho bà Đ. Cha bà là ông Ấ đã mất từ năm 2018, còn mẹ là bà Lương Thị X hiện đang ở với bà Đ. Thửa đất 545 và 546 giáp ranh với nhau. Phía trước 02 thửa đất này thì có cái hàng rào bằng gạch có lưới do bà Đ tự làm trên đất của bà Đ giáp ranh với đất của bà; còn phía sau thì bà nuôi gà để kiếm thêm thu nhập là trên đất của cha mẹ. Khi bắt đầu nuôi gà thì bà có hỏi mẹ rồi mới nuôi. Còn sào nước, máng xối ở gần mương là gia đình bà đã sử dụng từ trước đến nay để dùng trong sinh hoạt gia đình chứ không phải mới làm đây như lời trình bày của bà Đ.

Nay bà đồng ý phần diện tích 12,8m² đất ONT-CLN tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện BT theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long là thuộc quyền sử dụng đất của bà. Phần cái lu nước nằm trên đất bà Đ thì vợ chồng bà đã bán cho bà Đ 500.000 đồng nên không còn quyền sử dụng. Vợ chồng bà có nuôi gà trên đất bà Đ thì đã tháo lưới và đưa gà về đất của bà, còn cây mít trên đất bà Đ thì bà để ăn khi nào cây chết thì bà chặt bỏ.

Ông Trần Văn Đ1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Loan.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Thị Ngọc Đ trình bày: Hiện nay bà L và ông Đ1 đã không còn nuôi gà trên đất của bà. Hiện nay từ trên sào nước bê tông cốt thép của bà L và ông Đ1 có 01 ống nước ở trên mái nhà đổ xuống chảy qua đất bà Đ và còn 01 cây mít của bà L và ông Đ1 trên đất của bà. Nay bà yêu cầu bà L và ông Đ1 di dời tài sản này đi nơi khác, bà không đồng ý bồi thường cây mít 2.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L, bà đồng ý bồi thường giá trị cây mít theo giá của Hội đồng định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 165, 217, 218, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Áp dụng điểm khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc Đ

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc Đ

Công nhận phần đất tranh chấp (tách 545-2 + 546-2) có diện tích 12,8m² cho bà Trần Thị Kim L và ông Võ Văn Đ1 được quyền sử dụng, ông bà có nghĩa vụ kê khai đăng ký đất đai theo quy định.

Bà Trần Thị Ngọc Đ được quyền sử dụng cây mít loại C do bà L trồng trên phần đất của bà. Bà Đ có nghĩa vụ hoàn giá trị cây mít cho bà L và ông Đ1 số tiền là 400.000 đồng. Ông Đ1 và bà L phải có nghĩa vụ di dời phần ống nước ra khỏi phần đất của bà Đ.

Về án phí: Bà Loan và ông Đ1 nộp 300.000 đồng, bà Đ nộp 300.000 đồng khấu trừ 300.000 đồng do bà Đ nộp tại chi cục thi hành án, chi phí đo đạc ông Đ1, bà L và bà Đ mỗi bên chịu 1/2 chi phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản và tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai được quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Bị đơn là bà Trần Thị Kim L có đơn xin vắng mặt, còn ông Võ Văn Đ1 đã được tổng đạt hợp lệ quyết định về việc tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt theo quy định Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2019 của bà Trần Thị Ngọc Đ yêu cầu bà L và ông Đ1 trả lại phần đất có diện tích khoảng 300m². Nay bà Đ xin rút lại một phần yêu cầu

khởi kiện là bà tranh chấp ranh đất với bà L và ông Đ1 diện tích là 12,8m² đất ONT-CLN tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện BT theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long. Việc bà Đ rút lại một phần yêu cầu 287,2m² này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[2] Về nội dung:

Nguồn gốc thửa đất số 545 và thửa 546 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long là do cha bà Đ và bà L là ông Trần Ngọc Ẩ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/2008. Ông Ẩ tặng cho bà Đ thửa đất 545 do bà Trần Thị Ngọc Đ đứng tên mặt 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/10/2008 và tặng cho bà L thửa 546 do bà Trần Thị Kim L đứng tên mặt 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/10/2008. Hai thửa đất này giáp nhau và hiện nay bà Đ đang quản lý sử dụng thửa 545 và bà L cùng chồng là ông Đ1 đang quản lý sử dụng thửa 546.

Căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ ngày 03/10/2019 thì thửa 545 và thửa 546 là thửa 31, tờ bản đồ 21 thuộc tư liệu bản đồ địa chính chính quy (Vlap); trên phần đất tranh chấp có vật kiến trúc của bà L và ông Đ1 là sàn trên mặt nước trụ bê tông cốt thép, đà thép, hộp mặt sàn lót tấm Hibro xi măng, diện tích 3,5m x 1,2m, xây dựng năm 2018; mái che tiền chế lợp tole, vách tole, diện tích 4,6m x 1,2m xây dựng năm 2018. Trên phần đất thửa 545 do bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất có 01 cây mít do bà L trồng năm 1996; 01 cái lu đựng nước bằng xi măng của bà L; có 15 con gà (che lưới) của vợ chồng ông Đ1.

Căn cứ Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Tân thể hiện như sau: Phần đất đo đạc có tổng diện tích là 2052,5m². Trong đó, phần đất không tranh chấp là tách 31-1 (tách 545-1) diện tích 1.866,1m² đất ONT-CLN theo chỉ ranh của nguyên đơn (có 388,6m² thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP) và tách 31-3 (tách 546-1) diện tích 173,6m² đất ONT-CLN theo chỉ ranh của bị đơn (thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP) và phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tách 31-2 (tách 545-2 + tách 546-2) diện tích 12,8m² đất ONT-CLN (thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP). Như vậy, nếu không tính phần đất tranh chấp là 12,8m² thì theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 545 của bà Đ thiếu 89,1m² và thửa 546 của bà L thiếu 7,7m².

Ngày 06/5/2020 Tòa án có văn bản hỏi Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân là phần đất tranh chấp tách 31-2 (tách 545-2 + tách 546-2) diện tích 12,8m² đất ONT-CLN (thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP) thuộc quyền sử dụng đất của ai nhưng đến nay chưa có văn bản trả lời. Tại biên bản hòa giải ngày 25/5/2020 và tại phiên tòa bà Đ đồng ý phần đất tranh chấp tách 31-2 (tách 545-2 + tách 546-2) diện

tích 12,8m² đất ONT-CLN (thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP) là thuộc quyền sử dụng đất bà L. Đây là sự tự nguyện của bà Đ nên được chấp nhận. Tại biên bản hòa giải của Tòa án thì bà L cho rằng phần đất thửa 546 là tài sản riêng của bà, ông Đ1 cũng đồng ý với ý kiến của bà L nên được chấp nhận.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2020 thì phần đất tranh chấp là 12,8m² đất ONT-CLN tách 31-2 (tách 545-2 + tách 546-2) tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Về phần nhà của bà Trần Thị Ngọc Đ đã dỡ bỏ nhà cũ đang xây nhà tường kiên cố nằm trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Đ; về 01 cây mít của bà L và ông Đ1 trồng trên đất thuộc quyền sử dụng của bà Đ hiện nay vẫn còn, bà L đồng ý bán cho bà Đ với giá là 2.000.000 đồng; về 01 cái lu nước của bà L và ông Đ1 để trên đất của bà Đ hiện không còn vì bà Đ đã mua với giá 500.000 đồng; hiện nay bà L và ông Đ1 không còn nuôi gà và che lưới trên đất bà Đ; Trên sân nước bê tông cốt thép của bà L và ông Đ1 có 01 ống nước ở trên mái nhà đổ xuống chảy qua đất bà Đ, ống nước là nhựa PVC chiều dài 1,5m.

Như vậy, hiện nay trên phần đất tách 31-1 (tách 545-1) diện tích 1.866,1m² đất ONT-CLN (có 388,6m² thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP) thuộc quyền sử dụng đất của bà Đ có 01 cây mít của bà L và ông Đ1 thì bà L yêu cầu bà Đ trả tiền giá trị cây mít là 2.000.000 đồng nhưng bà Đ không đồng ý nên không căn cứ chấp nhận. Tại biên bản định giá tài sản ngày 04/6/2020 của Hội đồng định giá huyện Bình Tân thì 01 cây mít loại C có giá là 400.000 đồng. Như vậy, do cây mít không di dời được nên bà Đ phải trả giá trị cây mít cho bà L và ông Đ1 là 400.000 đồng và bà Đ được quyền sở hữu cây mít này; Còn 01 ống nước ở sân nước trên mái nhà của bà L và ông Đ1 đổ xuống chảy qua đất bà Đ, ống nước là nhựa PVC chiều dài 1,5m thì bà L và ông Đ1 phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời ống nước này ra khỏi quyền sử dụng đất của bà Đ.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá với số tiền là 5.576.000 đồng. Do phần chi phí này nguyên đơn, bị đơn đều có phần được chấp nhận và có phần không được chấp nhận nên hai bên phải chịu mỗi bên một nửa là 2.788.000 đồng. Bà Đ đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng là 5.576.000 đồng nên bà L và ông Đ1 phải trả lại cho bà Đ là 2.788.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; bà L và ông Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 147, 157, 165, 217, 218, 219, 228, 235, 244, khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 106, 115, 164, 166, 158, 274, 280 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 100, 166, 203 Luật đất đai;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc Đ yêu cầu bà L và ông Đ1 diện tích 287,2m² đất tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Bà Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc Đ:

- Công nhận phần đất tách 31-1 (tách 545-1) diện tích 1.866,1m² đất ONT-CLN (có 388,6m² thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP), tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Ngọc Đ.

- Công nhận phần đất tách 31-3 (tách 546-1) diện tích 173.6m² đất ONT-CLN (thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP) và phần đất tách 31-2 (tách 545-2 + tách 546-2) diện tích 12,8m² đất ONT-CLN (thuộc HLBV cầu Ngã Cạn theo tư liệu BĐĐCCQ VLAP), tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Kim L.

Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long.

Đương sự phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký đất đai để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà Trần Thị Ngọc Đ phải trả tiền giá trị 01 cây mít cho bà L và ông Đ1 là 400.000 đồng và bà Đ được quyền sở hữu cây mít này của bà L và ông Đ1 trồng trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Đ.

- Buộc bà Trần Thị Kim L và ông Võ Văn Đ1 phải tháo dỡ, di dời 01 ống nước ở sân nước trên mái nhà của bà L và ông Đ1 đổ xuống chảy qua đất bà Đ, ống nước là nhựa PVC chiều dài 1,5m. Bà L và ông Đ1 phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời ống nước này ra khỏi quyền sử dụng đất của bà Đ.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá với số tiền là 5.576.000 đồng. Bà Đ và bà L, ông Đ1 mỗi bên phải chịu mỗi bên một nửa là

2.788.000 đồng. Bà Đ đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng là 5.576.000 đồng nên bà L và ông Đ phải trả lại cho bà Đ là 2.788.000 đồng.

4. Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; bà L và ông Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Trần Thị Ngọc Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0011034 ngày 03/7/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua, bà Đ không phải nộp tiền án phí nữa.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật. Riêng việc đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn thì đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Dũng